TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HS-PT
Ngày 22-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Ông Vũ Quang Trung

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa**:* Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 49/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2023/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị M, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1957 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: đường TL, phường VN, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Nghĩa N (đã chết) và bà Trần Thị N2 (đã chết); có chồng là Trần Văn B và có 02 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/11/2021; có mặt.

2. Phạm Thị H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã VQ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc A (đã chết) và bà Giang Thị H1; có chồng là Nguyễn Tiến H2 và có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/11/2021; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn D và bà Trần Thị Q; cùng địa chỉ: Thôn TĐ, xã VQ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Vũ Hoàng D1; địa chỉ: đường LL, phường MC, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Tạ Ngọc B1 - Luật sư Công ty luật TNHH BA, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt;

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trần Xuân T; vắng mặt;

+ Ông Khúc Văn L; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn T1; vắng mặt;

+ Anh Lê Tất T2; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do giữa gia đình ông Trần Văn D và gia đình ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1947; trú tại: Thôn TĐ, xã VQ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (đã chết ngày 30-12-2018) đang có mâu thuẫn tranh chấp đất đai. Ngày 21-5-2018, Phạm Thị M (là em gái ông A) và Phạm Thị H (là con gái ông A) thấy gia đình ông D thuê thợ xây bờ be trên mái tầng 01, nên M đã sang và lên mái tầng 01 nhà ông D cản trở không cho thợ xây bờ be. Hai bên đã xảy ra xô xát cãi cự nhau nhưng không gây ra thiệt hại gì. Sáng ngày 22-5-2018, gia đình ông D đang đổ bê tông xốp mái tầng 01 từ khu vực tiếp giáp với nhà ông T3 ra giữa nhà thì M và H đã lên ban công tầng 02 nhà ông A dùng vòi nước phun nước sang mái tầng 01 nhà ông D nhưng do các ô đang đổ bê tông xốp còn cách xa nhà ông A nên vòi nước phun không tới mà chỉ phun được vào các ô còn trống, không gây ra thiệt hại gì. Đến chiều ngày 22-5-2018, khi gia đình ông D đang đổ bê tông xốp mái tầng 01 thì M, A và H lại lên ban công tầng 02 nhà ông A dùng vòi nước phun nước sang khu vực ô chính giữa mái tầng 01 nhà ông D. Hậu quả làm hư hỏng 06 bao xi măng và 2,375 m^3 bê tông xốp, thiệt hại là 4.469.500 đồng. Đến khoảng 07 giờ ngày 30-5-2018, gia đình ông D tiếp tục đổ bê tông xốp ở phần mái tầng 01 còn lại giáp với nhà ông A thì đến khoảng 09 giờ cùng ngày, M cùng một số đối tượng mặc quần áo bộ đội sang nhà ông D cản trở không cho đổ bê tông. Sau đó, tất cả đi về và lên mái tầng 02 nhà ông A dùng vòi nước phun nước sang phần mái đang đổ bê tông xốp của nhà ông D. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày nhà ông D nghỉ không đổ bê tông nữa thì các đối tượng mặc quần áo bộ đội đi về và M cũng không phun nước nữa. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, nhà ông D tiếp tục đổ bê tông xốp thì M lại tiếp tục dùng vòi nước phun nước sang chỗ đổ bê tông. Hậu quả làm hỏng 6,06 m^3 bê tông xốp, thiệt hại là 10.298.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 38/KLĐGTS ngày 25/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vĩnh Bảo kết luận:

"- 06 bao xi măng hiệu vissai bị hư hỏng hoàn toàn do bị ngấm nước đóng cục thiệt hại là: 06 x 72.000đ= 432.000đ (Bốn trăm ba mươi hai nghìn)

- Phần bê tông xốp bị hư hỏng phía trên sàn mái tầng 1 chính giữa, giáp với ban công có khối lượng bê tông là: 2,5 x 3,8 x 0,25=2,375 m^3. Thành tiền là: 2,375 x 1.700.000 = 4.037.500 (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Phần bê tông xốp bị hư hỏng phía sau trên sàn mái tầng 1 giáp với gia đình nhà ông Phạm Ngọc A bị hư hỏng có khối bê tông là: (1,9 x 3,8+2,1 x 8,1) x 0,25= 6,06 m^3. Thành tiền là: 6,06 x 1.700.000=10.298.000 (Mười triệu hai trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Tổng giá trị thành tiền là: 14.767.500 (Mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng".

Tại bản Kết luận giám định số 5343/C09-P6 ngày 16-12-2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

"- Không phát hiện thấy các tập tin video gửi giám định bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung.

- Một số người có mặt trong các tập tin video giám định có hành vi phun nước sang mái nhà bên cạnh đang xây dựng. Một số người có mặt trong các đoạn video này đã có những lời nói với nhau."

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐGTS ngày 14/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản chiếc ti vi của nhà ông Phạm Ngọc A trong tố tụng hình sự huyện Vĩnh Bảo kết luận:

"Giá trị chiếc Tivi LG Flatron, model 29 FD1RL đã qua sử dụng, sản xuất năm 2009 tại thời điểm cần định giá trong trường hợp tivi sử dụng bình thường, không bị hư hỏng là 500.000 đồng".

Tại Kết luận giám định số 9348 ngày 04/3/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

" - Tivi gửi giám định không hoạt động bình thường (bật nguồn điện nhưng màn hình không hiển thị được hình ảnh bình thường...). Không xác định được các bộ phận của tivi bị hư hỏng.

- Không xác định được nguyên nhân gây ra hư hỏng (Phía trong tivi, phát hiện chất giống bột khô màu trắng bám dính trên bảng mạch điện tử, bề mặt bóng đèn hình...)".

Về vật chứng: Đối với vòi nước các bị cáo sử dụng để phun nước từ ban công tầng 02 nhà ông Phạm Ngọc A sang mái tầng 01 nhà ông Trần Văn D, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn D và bà Trần Thị Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền là 14.767.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo ngoài xã hội. Các bị cáo trình bày nguyên nhân của hành vi phạm tội là do gia đình ông A và gia đình bị hại ông D có mâu thuẫn về đất đai đã lâu, hiện nay Tòa án vẫn đang giải quyết. Tại thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, UBND xã VQ đã có biên bản về việc đình chỉ thi công xây dựng theo Thông báo của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhưng gia đình ông D vẫn cố tình xây dựng nên mới gây bức xúc dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong muốn được khoan hồng và xin được cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không hợp lý vì các bị cáo không xâm phạm đến sức khỏe, danh dự của bị hại.

Các bị cáo thừa nhận lời khai tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là đúng và xin được hưởng án treo. Các bị cáo cung cấp thêm được tài liệu thể hiện đã bồi thường cho ông Trần Văn D, bà Trần Thị Q; tài liệu thể hiện bản thân đã chấp hành toàn bộ quyết định của Bản án sơ thẩm, tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung, án phí và xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận hành vi dùng vòi phun nước phun nước từ ban công tầng 02 nhà ông A sang các ô đang đổ bê tông xốp trên mái tầng 01 của nhà ông D vào ngày 22/5/2018, bị cáo M và bị cáo H làm hư hỏng 06 bao xi măng hiệu vissai và 2,375 m^3 bê tông xốp, thiệt hại là 4.469.500 đồng. Ngày 30/5/2018 hành vi của bị cáo M như trên làm hư hỏng 6,06 m^3 bê tông, thiệt hại 14.767.500 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo M, H đã phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, mặc dù tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông D, bà Q nhưng tại thời điểm phạm tội, phía bị hại có đông người tham gia thi công, bảo vệ công trình nên cần đánh giá các bị cáo không lợi dụng việc bị hại đã cao tuổi, hạn chế khả năng bảo vệ tài sản để phạm tội. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã nộp tài liệu, chứng cứ mới thể hiện bản thân đã chấp hành toàn bộ quyết định của Bản án sơ thẩm về việc bồi thường thiệt hại và tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, do đó, cần được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo H có 04 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 3 tình tiết quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có

tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có vai trò thấp hơn trong vụ án. Bị cáo M bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" nhưng bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 2 tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, nhưng mỗi lần đều phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hơn nữa, bản thân bị cáo M đã cao tuổi, cả hai bị cáo tại giai đoạn phúc thẩm đã thực sự ăn năn hối cải, tự nguyện chấp hành các quyết định của bản án sơ thẩm; việc các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng không ảnh hưởng đến tình hình trị an nên xử phạt tù và cho các bị cáo được án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với các bị cáo M, H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại phát biểu quan điểm: Mặc dù tội phạm các bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trị an xã hội. Cả 2 bị cáo đều chưa thực sự thành khẩn khai báo. Hành vi phun nước của các bị cáo khi gia đình ông D, bà Q đang đổ bê tông buộc các bị cáo phải biết sẽ làm hư hỏng tài sản. Hơn nữa, bị hại bổ tông không có văn bản nào của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cho phép gia đình bị hại xây dựng (chỉ có biên bản của UBND xã và gia đình ông D tự nguyện dừng thi công). Vì vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Giữa hai gia đình ông D và ông A đang có tranh chấp đất đai, như vậy chỉ có bị cáo H (con gái ông A) có mâu thuẫn đối với quyền lợi của gia đình ông D, còn bị cáo M (là em gái ông A) không có mâu thuẫn gì quyền lợi. Nhưng mâu thuẫn đất đai đã giải quyết bằng vụ án dân sự khác tại Tòa án nhưng các bị cáo lại giải quyết bằng cách thức vi phạm pháp luật, tự ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Luật sư không đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì đây là tài sản của bị hại đã trên 70 tuổi. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị H đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các điều 331,

332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện. Ngày 22/5/2018, Phạm Thị M và Phạm Thị H đã có hành vi dùng vòi nước phun nước từ ban công tầng 2 nhà ông A sang khu vực ô chính giữa đang đổ bê tông xốp trên mái tầng 1 nhà ông D, làm hư hỏng 06 bao xi măng hiệu Vissai và 2,375m^3 bê tông xốp, thiệt hại theo kết luận định giá là 4.469.500 đồng. Ngày 30/5/2018, bị cáo Phạm Thị M dùng vòi nước phun nước từ ban công tầng 02 nhà ông A sang các ô đang đổ bê tông xốp trên mái tầng 01 của nhà ông D, làm hư hỏng 6,06m^3 bê tông, thiệt hại theo kết quả định giá là 10.298.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo làm hư hỏng trị giá 14.767.500 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án sơ thẩm cho rằng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với ông Trần Văn D, sinh năm 1937 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1941 là người trên 70 tuổi nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khách thể trực tiếp của tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" là quyền sở hữu tài sản của công dân, không phải các quyền về nhân thân của bị hại (như tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm...). Hơn nữa, mặc dù tài sản của ông D, bà Q nhưng tại thời điểm phạm tội phía bị hại có đông người tham gia thi công công trình nên cần đánh giá các bị cáo đã không lợi dụng việc bị hại đã cao tuổi, hạn chế khả năng bảo vệ tài sản để phạm tội. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với các bị cáo là không phù hợp. Bị cáo M đã hai lần làm hư hỏng tài sản của gia đình ông D vào các ngày 22/5 và 30/5/2018 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù bản án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo mới chỉ khai nhận hành vi của mình nhưng chưa thực sự ăn năn hối cải. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo làm đơn kháng cáo trong đó đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau phần thủ tục xét hỏi đến phần tranh luận, các bị cáo đã thực sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt nên cần đánh giá các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải. Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo đã chấp hành toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm, bồi thường đầy đủ cho bị hại và tự nguyện nộp tiền phạt đối với hình phạt bổ sung vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo nên được hưởng thêm tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo và mức hình phạt: Vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo H, M cùng nhau thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản; trong đó giá trị tài sản bị cáo H và bị cáo M cùng nhau làm hỏng là 4.469.500 đồng; bị cáo M còn có hành vi một mình làm hư hỏng tài sản trị giá 10.298.000 đồng nên hành vi của bị cáo M cao hơn so với bị cáo H. Do vậy, hình phạt đối với bị cáo M phải cao hơn bị cáo H. Tuy nhiên, tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, các bị cáo bị xử phạt tù dưới 03 năm, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo H có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định trong đó có 03 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo M mặc dù phạm tội 02 lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; hơn nữa bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo M đã cao tuổi. Các bị cáo M, H đều phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nơi cư trú ổn định, để các bị cáo chấp hành hình phạt ngoài xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù và cho hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị H, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo đã nộp số tiền này vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H và bị cáo M cùng nhau làm hỏng giá trị tài sản của ông D, bà Q là 4.469.500 đồng; bị cáo M còn có hành vi một mình làm hư hỏng tài sản của bị hại trị giá 10.298.000 đồng nên các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo M phải bồi thường cho các bị hại số tiền 12.532.750 đồng và bị cáo H phải bồi thường cho các bị hại số tiền 2.234.750 đồng. Bị cáo Phạm Thị M đã nộp số tiền 12.316.750 đồng và bị cáo Phạm Thị H đã nộp số tiền 2.018.750 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng để bồi thường cho các bị hại.

[8] Về án phí: Theo bản án sơ thẩm, bị cáo M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 626.638 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo M là người cao tuổi nhưng tại giai đoạn sơ thẩm không có đơn xin miễn án phí và các bị cáo không kháng cáo về phần án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị H, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù và cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, s, (thêm điểm i đối với bị cáo H) khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo M); Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Phạm Thị M 18 (mười tám) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị M cho Ủy ban nhân dân phường VN, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạm Thị H 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt các bị cáo Phạm Thị M, Phạm Thị H, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng các bị cáo đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0001678 và 0001679 ngày 13/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Các bị cáo đã nộp đủ hình phạt bổ sung.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M phải bồi thường cho các bị hại số tiền 12.532.750 đồng và bị cáo H phải bồi thường cho các bị hại số tiền 2.234.750 đồng. Ghi nhận bị cáo Phạm Thị M đã nộp số tiền 12.316.750 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001670 ngày 16/5/2023 và bị cáo Phạm Thị H đã nộp số tiền 2.018.750 đồng

theo Biên lai thu tiền số 0001671 ngày 16/5/2023 vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng để bồi thường cho các bị hại.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Bị cáo Phạm Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 626.638 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 826.638 đồng. Bị cáo Phạm Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng.

- Các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

6. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Thị M và bị cáo Phạm Thị H.

7. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu